

Số: 4020 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các
xã, phường, đặc khu áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1233/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang (gồm: Cấp tỉnh 10 TTHC; Cấp xã: 01 TTHC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thứ tự số 3, 4, 5, 8, 12, 13, 20, 22, 27 Phần A tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Bộ, ngành Trung ương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận: *Thích*

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC
XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4020 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	
2	1.004915	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	
3	1.004918	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	
4	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	
5	1.004913	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
6	1.004692	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	
7	1.003741	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	

8	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	
9	1.014834	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	
10	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
1	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (Mã TTHC: 1.004943).
 Tổng thời gian giải quyết TTHC là 08 ngày làm việc (64 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	- Mẫu số 01, 02, 05, 06 (nếu có). - 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3

	- Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.			
B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế tại Cơ sở. - Lập biên bản kiểm tra thực tế. - Dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương và Quyết định công nhận hoặc soạn thảo văn bản trả lời lý do không công nhận.	Chuyên viên phụ trách	32 giờ	- Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 07.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
B3	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký.	Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	Dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương Mẫu số 08.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP (kèm theo hồ sơ)
B4	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả thực hiện: - Nếu đồng ý thì ký duyệt chuyển văn thư Sở. - Nếu không đồng ý thì chuyển chuyên viên thụ lý lại.	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	Dự thảo Quyết định công nhận theo Mẫu số 09.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP (kèm theo hồ sơ)
B5	Văn thư Sở đóng dấu, số hoá hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ	
B6	Chuyên viên Phòng Kinh tế thẩm tra hồ sơ: - Nếu đủ điều kiện: Trình lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành. - Chưa đủ điều kiện: Trả hồ sơ lại Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Chuyên viên Phòng Kinh tế	06 giờ	Dự thảo Quyết định

B7	Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét hồ sơ và ký duyệt kết quả quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản UBND tỉnh chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 giờ	Mẫu số 09.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
B8	Văn thư UBND tỉnh: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư UBND tỉnh	02 giờ	Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản hoặc văn bản trả lời
B9	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

2. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (Mã TTHC: 1.004915).
Tổng thời gian giải quyết TTHC là 09 ngày làm việc (72 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3

B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Thành lập Đoàn kiểm tra tại Cơ sở. - Lập biên bản kiểm tra thực tế. - Soạn thảo Giấy chứng nhận hoặc soạn thảo văn bản trả lời lý do không cấp GCN.	Chuyên viên phụ trách	Cấp mới GCN - 56 giờ Cấp lại GCN - 16 giờ	- Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 12.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP. - Giấy chứng nhận theo Mẫu số 13.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.
B3	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư phê duyệt: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận và Quyết định hoặc văn bản trả lời. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	
B4	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	GCNCSDĐK hoặc văn bản trả lời
B5	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

3. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (Mã TTHC: 1.004918). Tổng thời gian giải quyết TTHC là 09 ngày làm việc (72 giờ) cấp mới; 02 ngày làm việc (16 giờ) cấp lại.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3
B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Thành lập Đoàn kiểm tra tại Cơ sở. - Lập biên bản kiểm tra thực tế. - Soạn thảo Giấy chứng nhận hoặc soạn thảo văn bản trả lời lý do không cấp GCN.	Chuyên viên phụ trách	Cấp mới GCN - 56 giờ Cấp lại GCN - 16 giờ	Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 03.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP. - Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.
B3	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư phê duyệt: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận và Quyết định hoặc văn bản trả lời. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại	Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	

	chuyên viên phụ trách xử lý.			
B4	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	GCNCSDĐK hoặc văn bản trả lời
B5	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ SNN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

4. Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (Mã TTHC: 1.004359). Tổng thời gian giải quyết TTHC là 05 ngày làm việc (40 giờ) cấp mới; 03 ngày làm việc (24 giờ) cấp lại.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3
B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản trả lời lý do không cấp Giấy phép khai thác thủy sản.	Chuyên viên phụ trách	Cấp mới GCN - 24 giờ Cấp lại GCN - 08 giờ	Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 06.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.

B3	Lãnh đạo phòng xem xét, kiểm tra nội dung văn bản trả lời hoặc GPKTTS: - Nếu đồng ý: Phê duyệt. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên xử lý.	Lãnh đạo phòng	04 giờ	Hồ sơ kèm theo; văn bản trả lời hoặc GPKTTS; Mẫu 04KT
B4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư phê duyệt: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy phép khai thác thủy sản hoặc văn bản trả lời - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Lãnh đạo phòng xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	04 giờ	Hồ sơ kèm theo; văn bản trả lời hoặc GPKTTS; Mẫu 04KT
B5	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	Giấy phép KTTS hoặc văn bản trả lời
B6	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

5. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (Mã TTHC: 1.004913). Tổng thời gian giải quyết TTHC là 06 ngày làm việc (48 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	- Mẫu số 01, 02, 05, 06 (nếu có). - Bộ hồ sơ kèm theo mục 5.3

	- Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.			
B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế tại Cơ sở. - Lập biên bản kiểm tra thực tế. - Dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	Chuyên viên phụ trách	32 giờ	- Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 22.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP. - Dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 23.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP.
B3	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư phê duyệt: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận hoặc văn bản trả lời. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	Dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 23.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP (kèm theo hồ sơ)
B4	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	GCNCSDĐK hoặc văn bản trả lời

B5	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết
----	--	---	----------------	--------------------

6. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.004692). Tổng thời gian giải quyết TTHC là 05 ngày làm việc (40 giờ)

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3
B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Soạn thảo Giấy chứng nhận hoặc soạn thảo văn bản trả lời lý do không cấp GCN.	Chuyên viên phụ trách	Cấp mới GCN - 24 giờ Cấp lại GCN - 24 giờ	Giấy xác nhận theo Mẫu số 27.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
B3	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư phê duyệt: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận và Quyết định hoặc	Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	

	văn bản trả lời. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý.			
B4	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	GCNCSDĐK hoặc văn bản trả lời
B5	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

7. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý). Mã TTHC: 1.003741. Tổng thời gian giải quyết TTHC là 05 ngày làm việc (40 giờ) cấp mới; 03 ngày làm việc (24 giờ) cấp lại

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu 01 và mẫu 01KT; hồ sơ kèm theo

B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế tại Cơ sở. - Lập biên bản kiểm tra thực tế. - Dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá hoặc văn bản trả lời lý do không cấp Giấy chứng nhận.	Chuyên viên phụ trách	Cấp mới GCN - 24 giờ	- Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 08.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; - Dự thảo Tờ trình; - Dự thảo Giấy chứng nhận theo Mẫu số 09.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; (kèm theo hồ sơ).
			Cấp lại GCN - 08 giờ	
B3	Lãnh đạo phòng xem xét, kiểm tra nội dung: - Nếu đồng ý: Phê duyệt. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý.	Lãnh đạo phòng	04 giờ	Hồ sơ, kèm theo Giấy chứng nhận theo Mẫu số 09.TC, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời
B4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư phê duyệt: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận và Quyết định hoặc văn bản trả lời. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	04 giờ	Hồ sơ, kèm theo Giấy chứng nhận theo Mẫu số 09.TC, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số

				41/2026/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời
B5	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá hoặc văn bản trả hồ sơ
B6	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

8. Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam (Mã TTHC: 1.004344). Tổng thời gian giải quyết TTHC là 02 ngày làm việc (16 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3
B2	Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ: - Nếu hồ sơ đúng quy định dự thảo Quyết định chấp thuận. - Trường hợp không cấp VBCT,	Chuyên viên phụ trách	04 giờ	Hồ sơ kèm theo; Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện giải

	dự thảo bản trả lời và nêu rõ lý do.			quyết) hoặc mẫu 01VBCT; VBCT
B3	Lãnh đạo phòng xem xét, kiểm tra nội dung văn bản trả hồ sơ hoặc VBCT: - Nếu đồng ý: Phê duyệt. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Chuyên viên xử lý.	Lãnh đạo Phòng	02 giờ	Hồ sơ kèm theo; Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện giải quyết) hoặc mẫu 01VBCT; VBCT
B4	Lãnh đạo Chi cục xem xét, kiểm tra nội dung văn bản trả hồ sơ hoặc VBCT: - Nếu đồng ý: Phê duyệt. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo phòng.	Lãnh đạo Chi cục	02 giờ	Hồ sơ kèm theo; Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện giải quyết) hoặc VBCT
B5	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	GCNCSDĐK ĐKTC hoặc văn bản trả lời
B5	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

9. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường). (Mã TTHC: 1.014834). Tổng thời gian giải quyết TTHC là 08 ngày làm việc (64 giờ) đối với cấp mới, 05 ngày làm việc (40 giờ) đối với cấp lại.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục

	(TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.			5.3
B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Soạn thảo văn bản xin ý kiến địa phương còn lại đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh. - Soạn thảo Giấy chứng nhận hoặc soạn thảo văn bản trả lời lý do không cấp GCN.	Chuyên viên phụ trách	Cấp mới GCN - 48 giờ Cấp lại GCN - 24 giờ	Giấy xác nhận theo Mẫu số 27.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
B3	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư phê duyệt: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận và Quyết định hoặc văn bản trả lời. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý.	Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	
B4	Văn thư Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	GCNCSDĐK hoặc văn bản trả lời
B5	Công chức TN&TKQ: - Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết

--	--	--	--	--

10. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC: 1.004683). Tổng thời gian 08 ngày làm việc (64 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ Sở NN&MT tại TTPVHCC	04 giờ	- Mẫu số 01, 02, 05, 06 (nếu có). - 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3
B2	Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ: - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế tại Cơ sở. - Lập biên bản kiểm tra thực tế. - Dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương và Quyết định công nhận hoặc soạn thảo văn bản trả lời lý do không công nhận.	Chuyên viên phụ trách	32 giờ	- Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 17.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/ NĐ-CP
B3	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký	Lãnh đạo Chi cục	08 giờ	Dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương Mẫu số 18.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số

				41/2026/ NĐ-CP (kèm theo hồ sơ)
B4	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả thực hiện: - Nếu đồng ý thì ký duyệt chuyển văn thư Sở. - Nếu không đồng ý thì chuyển chuyên viên thụ lý lại.	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	Dự thảo Quyết định công nhận theo Mẫu số 19.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP (kèm theo hồ sơ)
B5	Văn thư Sở đóng dấu , số hoá hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ	
B6	Chuyên viên Phòng Kinh tế thẩm tra hồ sơ: - Nếu đủ điều kiện: Trình lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành. - Chưa đủ điều kiện: Trả hồ sơ lại Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Chuyên viên Phòng Kinh tế	06 giờ	Dự thảo Quyết định
B7	Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét hồ sơ và ký duyệt kết quả quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, UBND tỉnh chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 giờ	Mẫu số 19.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
B8	Văn thư UBND tỉnh: - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư UBND tỉnh	02 giờ	Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hoặc văn bản trả lời
B9	Công chức TN&TKQ:	Công chức	Giờ	Kết quả

- Vào sổ theo dõi. - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	TN&TKQ Sở NN&MT tại TPVHCC	hành chính	giải quyết
---	----------------------------------	---------------	------------

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) (Mã TTHC: 1.014801). Tổng thời gian giải quyết TTHC là 05 ngày làm việc (40 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (TTPVHCC) kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyên viên TN&TKQ làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ đến Chuyên viên phụ trách.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC cấp xã	04 giờ	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 5.3
B2	<i>Chuyên viên phụ trách tiếp nhận và xử lý hồ sơ:</i> - Thẩm định thành phần hồ sơ. - Soạn thảo Giấy chứng nhận hoặc soạn thảo văn bản trả lời lý do không cấp GCN.	Chuyên viên phụ trách	Cấp mới GCN - 24 giờ Cấp lại GCN - 24 giờ	Giấy xác nhận theo Mẫu số 27.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
B3	<i>Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu phê duyệt:</i> - Nếu đồng ý: Ký duyệt Giấy chứng nhận và Quyết định hoặc	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	08 giờ	

	văn bản trả lời. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên phụ trách xử lý.			
B4	<i>Văn thư Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu:</i> - Đóng dấu, gắn chữ ký số. - Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Văn thư	04 giờ	GCNCSDĐK hoặc văn bản trả lời
B5	Công chức TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: - Trả kết quả giải quyết theo quy định.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC cấp xã	Giờ hành chính	Kết quả giải quyết